

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT PTSC THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /TH-QLT&VHBD
V/v: Đề nghị chào giá cung cấp bulong, thép
kết cấu vụ Dự án thay thế STG#3

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 05 năm 2026

Kính gửi: Quý công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa (PTSC Thanh Hóa) hiện đang có nhu cầu mua bulong, thép kết cấu phục vụ Dự án thay thế STG#3 của Công ty như bảng kê đính kèm

Bằng công văn này, Công ty PTSC Thanh Hóa xin mời Quý Công ty tham gia chào giá cung cấp dịch vụ nói trên với các điều khoản về thương mại như sau:

1. Điều kiện thanh toán:

Thanh toán chuyển khoản trong vòng 45 ngày, bằng tiền VNĐ

2. Đơn giá chào hàng:

- Giá chào bằng đồng Việt Nam (chưa bao gồm thuế VAT)

- Giá chào bao gồm tất cả các chi phí liên quan tới nhân lực, vật tư, dụng cụ, đồ bảo hộ, phí vận chuyển,... giao hàng tại địa điểm yêu cầu của PTSC Thanh Hóa

3. Thời gian và địa điểm cung cấp dịch vụ

- Thời gian cung cấp hàng hóa: Trong vòng 15-20 ngày kể từ ngày đặt hàng

- Địa điểm giao hàng: Cảng PTSC Thanh Hóa – TDP Nam Sơn, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

4. Thời gian và hình thức nhận thư chào giá:

- Thời gian: Bảo đảm PTSC Thanh Hóa nhận được thư chào giá trước 16 giờ ngày 29/05/2026.

- Hình thức nhận chào giá: Bằng phong bì kín

- Địa chỉ: Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa, xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Người liên hệ:

➤ Lê Thị Hương Thanh (Ms.) - SĐT: 0977104527, email:
thanhlth@ptsc.com.vn

5. Điều kiện xem xét trúng thầu:

- Báo giá được tiếp nhận trước 16 giờ ngày 29/05/2026.

- Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Hiệu lực báo giá tối thiểu 30 ngày kể từ ngày báo giá

- Đáp ứng thời gian giao hàng
- Có giá chào thấp nhất

Xin chân thành cảm ơn!

*** Nơi gửi:**

- Như trên
- Lưu VT, BPMS.

Tài liệu đính kèm: Bảng kê hàng hóa

BẢNG KÊ HÀNG HÓA

Stt	Tên hàng hóa / Name of goods	Kích thước /Dimesion	ĐVT/ Unit	Số lượng/ Q'ty
1	Bu lông A307 mã kẽm M16x45	M16x45	Bộ	128.00
2	Bu lông A325 mã kẽm M20x75	M20x75	Bộ	24.00
3	Bu lông A325 mã kẽm M20x65	M20x65	Bộ	352.00
4	Bu lông A325 mã kẽm M20x60	M20x60	Bộ	126.00
5	Bu lông A325 mã kẽm M20x55	M20x55	Bộ	48.00
6	Bu lông A325 mã kẽm M20x50	M20x50	Bộ	537.00
7	Long đèn F436 mã kẽm M36	M36	Cái	168.00
8	Thép U100 x 50 x 6000	U100 x 50 x 6000	Kg	168.48
9	Thép U125 x 65 x 6000	U125 x 65 x 6000	Kg	80.40
10	Thép U150 x 75 x 6000	U150 x 75 x 6000	Kg	558.00
11	Thép H100 x 100 x 6 x 8 x 6000	H100 x 100 x 6 x 8 x 6000	Kg	103.20
12	Thép H150 x 150 x 6000	H150 x 150 x 6000	Kg	189.00
13	Thép H200 x 200 x 6000	H200 x 200 x 6000	Kg	299.40
14	Thép H194 x 150 x 6000	H194 x 150 x 6000	Kg	183.60
15	Thép góc V100 x 100 x 6000	V100 x 100 x 6000	Kg	271.80
16	Thép góc V50 x 50 x 6000	V50 x 50 x 6000	Kg	180.96
17	Thép góc V75 x 75 x 6000	V75 x 75 x 6000	Kg	330.72
18	Thép góc V40 x 40 x 6000	V40 x 40 x 6000	Kg	14.52
19	Thép T150 x 150 x 9 x 9 x 6000	T150 x 150 x 9 x 9 x 6000	Kg	282.60
20	Thép tấm 12ly x 2000 x 6000	12ly x 2000 x 6000	Kg	1,130.00
21	Thép tấm 6ly x 1500 x 6000	6ly x 1500 x 6000	Kg	423.00
22	Thép tấm 10ly x 1500 x 6000	10ly x 1500 x 6000	Kg	706.50
23	Thép tấm 20ly x 2000 x 6000	20ly x 2000 x 6000	Kg	1,884.00
24	Nhựa teflon trắng (1200 x 2000 x 3)mm	1200 x 2000 x 3	M2	2.40

